

## ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT         | Nội dung                                                              | Dự toán năm 2021 | Thực hiện quý I/2021 | So sánh %    |                   |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|--------------|-------------------|
|            |                                                                       |                  |                      | Dự toán 2020 | Cùng kỳ năm trước |
| <b>A</b>   | <b>DỰ TOÁN THU</b>                                                    | <b>10.429</b>    | <b>181</b>           | <b>153</b>   | <b>266</b>        |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu</b>                                                    | <b>10.429</b>    | <b>181</b>           | <b>153</b>   | <b>266</b>        |
| 1          | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                  | 2.182            | 0                    | 174          | 0                 |
| 2          | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                            | 4.500            | 0                    | 125          | 0                 |
| 3          | Dự án bổ sung trong năm (nếu có)                                      | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| 4          | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn bao gồm các khoản thuế phải nộp | 3.747            | 181                  | 199          | 266               |
| 5          | Nguồn thu hợp pháp khác                                               | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>                 | <b>4.713</b>     |                      |              |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)= (I)-(II)</b>               | <b>5.716</b>     |                      |              |                   |
| <b>B</b>   | <b>DỰ TOÁN CHI</b>                                                    | <b>5.716</b>     | <b>948</b>           | <b>87</b>    | <b>130</b>        |
| <b>I</b>   | <b>Chi thường xuyên</b>                                               | <b>5.566</b>     | <b>948</b>           | <b>86</b>    | <b>130</b>        |
| 1          | Tiền lương                                                            | 2.257            | 579                  | 59           | 121               |
| 2          | Tiền công                                                             | 103              | 23                   | 101          | 100               |
| 3          | Các khoản phụ cấp lương                                               | 9                | 0                    | 56           | 0                 |
| 4          | Các khoản trích nộp theo lương                                        | 565              | 120                  | 107          | 106               |
| 5          | Chi khen thưởng                                                       | 97               | 0                    | 93           | 0                 |
| 6          | Chi phúc lợi tập thể                                                  | 25               | 0                    | 100          | 0                 |
| 7          | Chi thanh toán dịch vụ công cộng                                      | 240              | 35                   | 104          | 100               |
| 8          | Chi mua vật tư văn phòng                                              | 200              | 14                   | 100          | 350               |
| 9          | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc                      | 160              | 4                    | 107          | 57                |
| 10         | Chi hội nghị                                                          | 10               | 0                    | 100          | 0                 |
| 11         | Chi thanh toán công tác phí                                           | 245              | 10                   | 128          | 1000              |
| 12         | Chi thuê mướn                                                         | 122              | 6                    | 115          | 100               |
| 13         | Chi đoàn đi công tác nước ngoài                                       | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| 14         | Chi đoàn vào                                                          | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| 15         | Khấu hao tài sản cố định                                              | 60               | 0                    | 171          | 0                 |
| 16         | Chi sửa chữa tài sản                                                  | 70               | 1                    | 117          | 33                |
| 17         | Chi phí khác                                                          | 700              | 156                  | 233          | 821               |
| 18         | Dự phòng                                                              | 703              | 0                    | 117          | 0                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi không thường xuyên</b>                                         | <b>150</b>       | <b>0</b>             | <b>36</b>    | <b>0</b>          |
| 1          | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                                            | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| 2          | Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý                      | 100              | 0                    | 167          | 0                 |
| 3          | Sửa chữa lớn tài sản cố định                                          | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| 4          | Chi thực hiện tình nguyện biên chế (nếu có)                           | 0                | 0                    | 0            | 0                 |
| 5          | Chi khác                                                              | 50               | 0                    | 100          | 0                 |